

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị T và anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thanh T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp 11, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thanh T trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau do tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau, vợ chồng xa cách do không hòa hợp trong cuộc sống, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm lẫn nhau và đã ly thân khoảng hai năm nay. Trước đây, có lần chị nộp đơn ly hôn nhưng sau đó chị đã rút đơn lại để hàn gắn. Tuy nhiên, sau khi rút đơn thì vợ chồng vẫn mâu thuẫn, bất hòa, không thể tiếp tục sống chung vì anh H không lo gì cho mẹ con chị. Chị đưa con về nhà mẹ ruột của chị sống rất lâu mà anh H vẫn không quan tâm hỏi han hay phụ lo gì cho con. Do đó, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh H.

Chị và anh H có 01 con chung tên Phan Văn Thịnh Phát sinh ngày 12 tháng 8 năm 2014, đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại bản khai ngày 17/3/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phan Văn H trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị T về hôn nhân, con chung. Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Sau khi cưới nhau, anh không có vốn làm ăn và phải lo sửa nhà nên anh không có tiền lo cho vợ con nhưng anh có nói anh lo làm kiếm tiền, khi nào con vô lớp 1 sẽ lo cho con nếu chị T về sống chung với anh nhưng chị T không chịu về ở chung nên anh không lo. Khi nào chị về sống chung với anh thì anh mới lo. Từ sau khi sinh con thì chị T về nhà mẹ ruột sống đến nay. Ban đầu, mỗi tuần chị về nhà với anh một lần, dần dần sau này chị không về với anh nữa. Anh có qua rước mấy lần nhưng chị cũng không về nên anh giận và không quan tâm đến chị nữa.

Anh không muốn ly hôn vì còn thương vợ. Nếu chị đồng ý hàn gắn thì anh cam kết sẽ lo cho chị và con nhưng chị phải về sống chung với anh.

Anh và chị T có 01 con chung tên Phan Văn Thịnh Phát sinh ngày 12 tháng 8 năm 2014, đang sống với chị T. Tại phiên tòa, anh trình bày do anh không đồng ý ly hôn nên anh không đề cập vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến về tố tụng và về nội dung:

Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia đầy đủ phiên họp và hòa giải.

Về nội dung: Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thanh T. Cụ thể:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Phan Văn H.
- Về con chung: Chị Trần Thanh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Văn Thịnh Phát sinh ngày 12 tháng 8 năm 2014 đến khi con đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Trần Thanh T không yêu cầu anh Phan Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phan Văn

H. Anh H là bị đơn trong vụ án, cư trú tại ấp 11, xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thanh T và anh Phan Văn H chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh H được xem là hợp pháp. Tuy nhiên, chị T cho rằng trong thời gian chung sống, anh H không lo cho vợ con nên chị đã đưa con về sống tại nhà cha mẹ ruột cho đến nay, anh H cũng thừa nhận vấn đề này và cho rằng do trước đây anh tập trung làm ăn và sửa nhà nên không có tiền lo cho vợ con. Đồng thời, anh cũng cho rằng từ sau khi chị T sinh con xong thì về nhà mẹ ruột ở luôn, ban đầu mỗi tuần chị về với anh một lần nhưng sau đó chị không về nữa. Anh còn thương chị nên muốn hàn gắn, anh cam kết sẽ lo cho vợ con nếu chị T chịu về sống chung với anh.

Sau khi hòa giải vào ngày 17/3/2022, anh H yêu cầu Tòa án mời lại lần nữa để vợ chồng hàn gắn, ý kiến này có được ghi trong biên bản hòa giải ngày 17/3/2022. Tòa án đã tiến hành ra thông báo mời lại anh H và chị T tham gia hòa giải vào ngày 15/4/2022 nhưng anh H không đến Tòa án tham gia hòa giải.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và trình bày từ ngày 17/3/2022 đến nay, anh H không có qua lại và không liên lạc với chị.

Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị T và anh H được biết chị T và anh H có mâu thuẫn với nhau và không còn sống chung với nhau đã lâu nhưng địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Phan Văn Thịnh Phát sinh ngày 12 tháng 8 năm 2014, đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa, anh H cũng thừa nhận thời gian qua, con chung được chị T và gia đình chị T chăm sóc tốt. Hội đồng xét xử xét thấy con chung của chị T và anh H chưa thành niên, hiện tại do chị T nuôi dưỡng. Theo ý kiến được thể hiện tại biên bản lấy ý kiến ngày 17/3/2022 thì Phan Văn Thịnh Phát có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị T. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung thì cần giao Phan Văn Thịnh Phát cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi Phan Văn Thịnh Phát đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” nhưng chị T không có yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh H trình bày không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh H trình bày không có nợ chung.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thanh T.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Phan Văn H.

- Về con chung: Chị Trần Thanh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Văn Thịnh Phát sinh ngày 12 tháng 8 năm 2014 đến khi con đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Trần Thanh T không yêu cầu anh Phan Văn H cấp dưỡng cho con chung.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Anh Phan Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thanh T và anh Phan Văn H trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004742 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã T;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang